

Số: 90 /CNVL

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài
chính giữa niên độ đã được kiểm toán
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30/06/2026.

Vinh Long, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường Long Châu, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583

Fax: 0270.3829432

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Tấn Chiến

Địa chỉ: Số 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0916804444 - 02703 822583

Fax: 0270.3829432

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ
kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026.**

Thông tin này đã được công bố trên Website của công ty: www.capnuocvl.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website công ty
- Lưu;

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐẶNG TẤN CHIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VĨNH LONG**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 46



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500174831, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 4 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai và thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Điện thoại : 0270.3822583

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Nhà máy nước Trường An	Số 519 khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Trà Ôn	Tổ 2, ấp Mỹ Lợi, xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Vũng Liêm	Tổ 9B, ấp Trung Tín, xã Trung Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Tam Bình	Số 390/8, ấp 4, xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Ngang	Tổ 3, ấp 8, xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Hồ	Tổ 32, ấp Long Thuận B, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh Nước uống Đóng chai Việt Úc	Số 54 đường Nguyễn Huệ, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Xí nghiệp Xây Lắp	Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Quyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Văn Kim Hùng Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Huỳnh Ngọc Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2025

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Huỳnh Ngọc Chiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022
Ông Lương Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Tân Chiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

815-00
TY TN
ÁN VẬT
&C
INHÁN
/ NAM E
Ú - TP

PA
AC
1500



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Tấn Chiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 12 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0270/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 23 tháng 3 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Hữu Danh - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.108.245.835	330.783.810.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	87.446.755.713	10.731.673.508
1. Tiền	111		39.009.934.070	10.731.673.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.436.821.643	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		257.146.283.620	290.176.333.488
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	257.146.283.620	290.176.333.488
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.744.546.479	16.082.817.810
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.759.372.415	17.219.683.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.140.498.059	481.604.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1.095.341.877	632.195.939
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(2.250.665.872)	(2.250.665.872)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.155.952.914	12.310.931.084
1. Hàng tồn kho	141	V.7	12.155.952.914	12.310.931.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.614.707.109	1.482.054.706
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	1.614.707.109	1.441.093.006
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	-	40.961.700
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		290.884.638.563	296.349.192.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		280.130.985.248	287.211.169.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	279.995.361.291	287.030.256.493
- Nguyên giá	222		723.926.924.270	716.569.581.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(443.931.562.979)	(429.539.324.796)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	135.623.957	180.913.103
- Nguyên giá	228		856.768.985	856.768.985
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(721.145.028)	(675.855.882)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		3.009.414.675	1.268.339.998
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	3.009.414.675	1.268.339.998
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2b	7.210.754.818	7.210.754.818
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		6.910.754.818	6.910.754.818
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		300.000.000	300.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		533.483.822	658.927.879
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	533.483.822	658.927.879
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		661.992.884.398	627.133.002.887



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		190.028.511.200	133.193.122.633
I. Nợ ngắn hạn	310		143.330.155.955	81.341.027.388
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8.603.557.611	8.528.815.834
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	235.135.899	156.854.000
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	72.254.755.890	12.107.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	10.034.448.767	8.858.359.915
5. Phải trả người lao động	315	V.16	10.701.698.128	19.964.465.400
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	760.279.056	876.958.303
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	4.092.614.519	2.821.176.139
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19a	10.307.480.000	10.307.480.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.20	3.450.432.757	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	22.889.753.328	29.814.810.617
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		46.698.355.245	51.852.095.245
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.19b	37.925.736.636	43.079.476.636
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	V.22	8.772.618.609	8.772.618.609



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		471.964.373.198	493.939.880.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	289.000.000.000	289.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		289.000.000.000	289.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	125.638.351.293	125.638.351.293
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	57.326.021.905	79.301.528.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		7.051.528.961	79.301.528.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		50.274.492.944	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		661.992.884.398	627.133.002.887


Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu


Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT

Đặng Tấn Chiến

Người đại diện theo pháp luật

C. T. N. H. H. *
D. H. C.V. H. L. O. N. G. *
/ /

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121.670.704.364	96.530.700.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.582.025	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.664.122.339	96.530.700.910
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	37.426.958.075	33.722.014.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.237.164.264	62.808.686.492
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	13.353.613.557	8.945.101.943
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	1.398.604.494	273.124.300
Trong đó: chi phí đi vay	24		1.398.604.494	273.124.300
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	20.617.703.862	22.327.450.862
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.601.520.234	15.356.348.182
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.972.949.231	33.796.865.091
12. Thu nhập khác	31	VI.8	992.318.285	606.241.629
13. Chi phí khác	32	VI.9	815.651.337	621.903.208
14. Lợi nhuận khác	40		176.666.948	(15.661.579)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.149.616.179	33.781.203.512
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	11.875.123.235	6.452.040.704
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.274.492.944	27.329.162.808
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	1.480	805
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	1.480	805

Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểuLê Văn Thắng
Kế toán trưởng

Phê duyệt ngày 12 tháng 8 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT

Đặng Tân Chiến

Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.149.616.179	33.781.203.512
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	14.437.527.329	11.678.227.844
- Các khoản dự phòng	03	V.20	3.450.432.757	8.742.396.370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(13.335.483.401)	(8.803.537.131)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	1.398.604.494	273.124.300
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.100.697.358	45.671.414.895
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.822.236.929	(908.532.286)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		154.978.170	(121.995.808)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.972.484.212)	1.752.382.773
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(48.170.046)	(8.711.594)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.5	(1.390.554.621)	(261.049.588)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(11.100.603.748)	(15.234.288.063)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	35.100.000	24.570.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(6.960.157.289)	(2.700.248.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.641.042.541	28.213.541.585
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.11, V.12	(9.023.580.672)	(17.339.067.633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	59.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(176.020.000.000)	(288.659.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		212.260.000.000	275.835.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.1, V.2a, VI.4	10.018.711.626	9.323.418.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.235.130.954	(20.780.103.452)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.376.689.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(5.153.740.000)	(5.153.740.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.23d	(7.351.290)	(11.413.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.161.091.290)	1.211.535.700
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		76.715.082.205	8.644.973.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.731.673.508	15.256.178.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	87.446.755.713	23.901.152.033


Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu


Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT
Đặng Tân Chiến

Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai và thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Công ty**
Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân	Số 3530 ấp Thành Phú, xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25%	25%	25%
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long	Số 93 Đình Tiên Hoàng, phường Tân Hạnh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20%	20%	20%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Nhà máy nước Trường An	Số 519 khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Trà Ôn	Tổ 2, ấp Mỹ Lợi, xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Vũng Liêm	Tổ 9B, ấp Trung Tín, xã Trung Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Tam Bình	Số 390/8, ấp 4, xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Ngang	Tổ 3, ấp 8, xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Hồ	Tổ 32, ấp Long Thuận B, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh Nước uống Đóng chai Việt Úc	Số 54 đường Nguyễn Huệ, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Xí nghiệp Xây Lắp	Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 234 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "VLW" theo Quyết định số 518/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 17 tháng 7 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo được trích lập như sau: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	05 - 15



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kê toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm chi phí cho duy trì đầu nổi.

Tăng, giảm số dư dự phòng phải trả cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Công ty.

Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (“Quỹ”) tối đa bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp trong thời hạn 5 năm kể từ khi trích lập, tổng số tiền đã sử dụng không đạt 70% số quỹ đã trích lập, Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đủ 70%, cộng thêm tiền lãi phát sinh. Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung này được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ xác định nghĩa vụ.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, toàn bộ khoản lỗ dự kiến của hợp đồng được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện, không phụ thuộc vào giai đoạn hoàn thành của hợp đồng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.345.139	637.000
Tiền gửi không kỳ hạn	39.002.588.931	10.731.036.508
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.861.790.662	6.228.265.178
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	4.206.141.512	1.210.649.194
- Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki - Chi nhánh Vĩnh Long	5.488.115.431	10.408.720
- Các ngân hàng khác	6.446.541.326	3.281.713.416
Các khoản tương đương tiền	48.436.821.643	-
- Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Long	16.230.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Long	21.140.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	10.960.000.000	-
- Lãi dự thu	106.821.643	-
Cộng	87.446.755.713	10.731.673.508

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn	257.146.283.620	257.146.283.620	-	290.176.333.488	290.176.333.488	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vĩnh Long	126.270.000.000	126.270.000.000	-	124.780.000.000	124.780.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngân hàng TNHH MTV Số Viki - Chi nhánh Vĩnh Long	105.010.000.000	105.010.000.000	-	106.940.000.000	106.940.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Long	-	-	-	36.040.000.000	36.040.000.000	-
Các ngân hàng khác	20.000.000.000	20.000.000.000	-	19.760.000.000	19.760.000.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	5.866.283.620	5.866.283.620	-	2.656.333.488	2.656.333.488	-
Cộng	257.146.283.620	257.146.283.620	-	290.176.333.488	290.176.333.488	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	6.910.754.818	6.910.754.818	-	6.910.754.818	6.910.754.818	-
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân ⁽ⁱ⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long ⁽ⁱⁱ⁾	1.910.754.818	1.910.754.818	-	1.910.754.818	1.910.754.818	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Mang Thít ⁽ⁱⁱⁱ⁾	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Cộng	7.210.754.818	7.210.754.818	-	7.210.754.818	7.210.754.818	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1501012456 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân 500.000 cổ phần, tương đương 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ 500.000 cổ phần, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 500.000 cổ phần, tương đương 25% vốn điều lệ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500590493 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long 180.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ 180.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 180.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ).
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500679215 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nước và Môi trường Mang Thít 30.000 cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ 30.000 cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ (số đầu năm là 30.000 cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch giữa Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu tiền sử dụng nước sạch, phí bảo vệ môi trường	8.244.479.916	(364.614.883)	11.894.184.030	(364.614.883)
Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh Vĩnh Long	2.309.698.988	(701.944.461)	2.741.984.485	(701.944.461)
Các khách hàng khác	2.205.193.511	(1.184.106.528)	2.583.514.578	(1.184.106.528)
Cộng	12.759.372.415	(2.250.665.872)	17.219.683.093	(2.250.665.872)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Aphantech	304.587.600	-
Công ty TNHH Sự kiện và Du lịch Quốc tế Vĩnh Long	286.925.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thành Công	261.549.059	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An	-	404.886.804
Các nhà cung cấp khác	287.436.400	76.717.846
Cộng	1.140.498.059	481.604.650

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 741.069.059 VND (số đầu năm là 404.886.804 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu bên liên quan	339.140.000	-	-	-
Bà Lê Thị Quyển - Tạm ứng	339.140.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	756.201.877	-	632.195.939	-
Tạm ứng	290.024.252	-	153.775.756	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	466.177.625	-	478.420.183	-
Cộng	1.095.341.877	-	632.195.939	-

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh Vĩnh Long - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến trên 3 năm	795.188.803	93.244.342	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	795.188.803	93.244.342
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Vĩnh Long - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	970.577.750	283.925.100	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	970.577.750	283.925.100
Các khách hàng tiền nước	Từ 1 năm đến trên 3 năm	411.710.393	47.095.510	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	411.710.393	47.095.510
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến trên 3 năm	990.628.193	493.174.315	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	990.628.193	493.174.315
Cộng		3.168.105.139	917.439.267		3.168.105.139	917.439.267

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.250.665.872	1.322.225.023
Số cuối kỳ	2.250.665.872	1.322.225.023

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.081.557.958	-	11.156.065.140	-
Công cụ, dụng cụ	313.912.230	-	319.625.433	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	526.619.348	-	595.942.032	-
Thành phẩm	233.863.378	-	239.298.479	-
Cộng	12.155.952.914	-	12.310.931.084	-

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	242.438.276	269.461.317
Chi phí mua bảo hiểm trả trước	119.445.863	31.657.876
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.252.822.970	1.139.973.813
Cộng	1.614.707.109	1.441.093.006



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	349.923.289	425.053.199
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	183.560.533	233.874.680
Cộng	533.483.822	658.927.879

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	152.624.862.573	138.085.862.843	424.071.719.999	1.787.135.874	716.569.581.289
Mua trong kỳ	-	102.000.000	-	228.262.400	330.262.400
Đầu tư XD CB hoàn thành	60.890.865	2.900.498.474	4.065.691.242	-	7.027.080.581
Số cuối kỳ	152.685.753.438	141.088.361.317	428.137.411.241	2.015.398.274	723.926.924.270
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.166.349.069	64.533.770.222	143.105.396.436	1.215.322.222	228.020.847.949
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	78.324.483.247	86.105.788.607	263.593.381.194	1.515.671.748	429.539.324.796
Khấu hao trong kỳ	3.181.874.959	3.793.286.381	7.333.406.020	83.670.823	14.392.238.183
Số cuối kỳ	81.506.358.206	89.899.074.988	270.926.787.214	1.599.342.571	443.931.562.979
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	74.300.379.326	51.980.074.236	160.478.338.805	271.464.126	287.030.256.493
Số cuối kỳ	71.179.395.232	51.189.286.329	157.210.624.027	416.055.703	279.995.361.291
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 88.300.349.741 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Vĩnh Long và Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long (xem thuyết minh số V.19b).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	856.768.985
Số cuối kỳ	856.768.985
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	463.834.100
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	675.855.882
Khấu hao trong kỳ	45.289.146
Số cuối kỳ	721.145.028
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	180.913.103
Số cuối kỳ	135.623.957
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Chương trình phần mềm máy tính			
Phần mềm quản lý khách hàng	95.000.000	95.000.000	-
Phần mềm văn phòng điện tử - Online Office V7 - 04 module	106.000.000	106.000.000	-
Phần mềm Kế toán Bravo 7	207.360.000	207.360.000	-
Phần mềm ứng dụng GIS phục vụ công tác quản lý mạng lưới cấp nước	392.934.885	257.310.928	135.623.957
Các chương trình phần mềm máy tính khác	55.474.100	55.474.100	-
Cộng	856.768.985	721.145.028	135.623.957

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Công trình xây dựng nhà máy nước Trường An 2, khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	358.261.630	-	-	-	358.261.630
- Công trình súc xả mạng lưới đường ống khu vực phường Long Châu, phường Tân Hạnh và phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long	74.862.037	570.768.519	-	-	645.630.556

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
- Công trình cải tạo trạm bơm cấp II - Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	144.734.259	13.135.185	-	-	157.869.444
- Công trình tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường dân sinh cấp Cầu Lộ 2 tuyến đường Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường Long Châu và khóm 1, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long	209.433.285	219.952.640	(429.385.925)	-	-
- Công trình tuyến ống cấp nước HDPE D63-D110 đường vào trường mầm non 3, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long	179.307.189	87.051.087	(266.358.276)	-	-
- Các công trình khác	301.741.598	15.423.317.324	(6.331.336.380)	(7.546.069.497)	1.847.653.045
Cộng	1.268.339.998	16.314.224.755	(7.027.080.581)	(7.546.069.497)	3.009.414.675

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	744.479.190	764.552.880
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long	744.479.190	764.552.880
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.859.078.421	7.764.262.954
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	3.365.877.000	3.365.877.000
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Việt Hồng Hà	1.240.184.908	2.405.126.908
Các nhà cung cấp khác	3.253.016.513	1.993.259.046
Cộng	8.603.557.611	8.528.815.834

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 5.310.610.363 VND (số đầu năm là 4.899.591.122 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thanh Tấn	106.930.500	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Thành Đô	45.223.000	45.223.000
Công ty TNHH Tuấn Hiền	-	111.631.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường	79.503.000	-
Các khách hàng khác	3.479.399	-
Cộng	235.135.899	156.854.000

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả các cổ đông (*)	72.254.755.890	12.107.180
Cộng	72.254.755.890	12.107.180



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 về việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 25% vốn góp, tương ứng 72.250.000.000 VND.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	742.814.668	-	4.033.135.202	(4.140.798.010)	635.151.860	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.837.707.921	-	11.875.123.235	(11.100.603.748)	7.612.227.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	178.293.281	-	280.849.373	(332.859.754)	126.282.900	-
Thuế tài nguyên	37.014.280	-	222.277.440	(221.101.940)	38.189.780	-
Tiền thuê đất	-	40.961.700	68.269.500	(27.307.800)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.062.529.765	-	9.327.212.932	(8.767.145.878)	1.622.596.819	-
Cộng	8.858.359.915	40.961.700	25.806.867.682	(24.589.817.130)	10.034.448.767	-

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước sạch : 5%
- Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai và các dịch vụ khác : 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.149.616.179	33.781.203.512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	62.149.616.179	33.781.203.512
Thu nhập được miễn thuế	(2.774.000.000)	(1.521.000.000)
Thu nhập tính thuế	59.375.616.179	32.260.203.512
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.875.123.235	6.452.040.704

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với giá tính thuế 2.000 VND/m³, thuế suất 1% và hoạt động khai thác nước ngầm với giá tính thuế 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất hàng năm được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiền điện	694.590.331	699.738.917
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	65.688.725	177.219.386
Cộng	760.279.056	876.958.303

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.898.928.012	1.583.746.862
Thuế thu nhập cá nhân	1.538.907.607	595.549.299
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	654.778.900	641.879.978
Cộng	4.092.614.519	2.821.176.139

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	10.307.480.000	10.307.480.000
Cộng	10.307.480.000	10.307.480.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.307.480.000	10.307.480.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	5.153.740.000	5.153.740.000
Số tiền vay đã trả	(5.153.740.000)	(5.153.740.000)
Số cuối kỳ	10.307.480.000	10.307.480.000

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	5.307.736.636	7.961.476.636
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	32.618.000.000	35.118.000.000
Cộng	37.925.736.636	43.079.476.636

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng giao dịch Vĩnh Long để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị cho dự án mở rộng hệ thống cấp nước với lãi suất 0,3%/năm, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần, thanh toán lần đầu vào tháng 9 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long để đầu tư xây dựng nhà máy nước Vũng Liêm - tỉnh Vĩnh Long nâng công suất từ 3.000 m³/ngày lên 9.600 m³/ngày với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần, thanh toán lần đầu vào tháng 6 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Vĩnh Long	10.615.216.636	5.307.480.000	5.307.736.636	-
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long	37.618.000.000	5.000.000.000	20.000.000.000	12.618.000.000
Cộng	48.233.216.636	10.307.480.000	25.307.736.636	12.618.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Vĩnh Long	13.268.956.636	5.307.480.000	7.961.476.636	-
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long	40.118.000.000	5.000.000.000	20.000.000.000	15.118.000.000
Cộng	53.386.956.636	10.307.480.000	27.961.476.636	15.118.000.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	43.079.476.636	57.317.747.636
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	6.376.689.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(5.153.740.000)	(5.153.740.000)
Số cuối kỳ	37.925.736.636	58.540.696.636

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí duy trì đầu nối. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	3.568.830.191
Số sử dụng	(118.397.434)
Số cuối kỳ	3.450.432.757

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác (*)</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6.864.891.484	35.100.000	(3.651.276.000)	3.248.715.484
Quỹ phúc lợi	22.871.936.498	-	(3.308.881.289)	19.563.055.209
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	77.982.635	-	-	77.982.635
Cộng	29.814.810.617	35.100.000	(6.960.157.289)	22.889.753.328

(*) Nhận tiền khen thưởng theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND và Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	8.772.618.609	11.300.933.323
Số cuối kỳ	8.772.618.609	11.300.933.323



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	289.000.000.000	111.845.855.226	75.820.644.583	476.666.499.809
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	27.329.162.808	27.329.162.808
Trích lập các quỹ	-	-	(1.957.663)	(1.957.663)
Số dư cuối kỳ trước	289.000.000.000	111.845.855.226	103.147.849.728	503.993.704.954
Số dư đầu năm nay	289.000.000.000	125.638.351.293	79.301.528.961	493.939.880.254
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	50.274.492.944	50.274.492.944
Chia cổ tức	-	-	(72.250.000.000)	(72.250.000.000)
Số dư cuối kỳ này	289.000.000.000	125.638.351.293	57.326.021.905	471.964.373.198

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	147.390.000.000	147.390.000.000
Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương	97.258.620.000	97.258.620.000
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Đồng Bằng	14.450.000.000	14.450.000.000
Các cổ đông khác	29.901.380.000	29.901.380.000
Cộng	289.000.000.000	289.000.000.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	28.900.000	28.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.900.000	28.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.900.000	28.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.900.000	28.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số tạm phân phối trong năm trước	Số phân phối trong kỳ này
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (25%/Vốn điều lệ)	72.250.000.000	-	72.250.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số được phân phối	Số tạm phân phối trong năm trước	Số phân phối trong kỳ này
• Trích quỹ đầu tư phát triển	13.792.496.067	13.792.496.067	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.273.442.226	10.273.442.226	-

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	68.269.500	68.269.500
Trên 1 năm đến 5 năm	273.078.000	273.078.000
Trên 5 năm	989.907.750	1.024.042.500
Cộng	1.331.255.250	1.365.390.000

Công ty thuê đất với diện tích 1.083,5 m² tại phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam với giá thuê theo thông báo của cơ quan thuế. Hợp đồng thuê được ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, thời hạn 22 năm tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2023.

24b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)				
Các tài sản cố định hữu hình khác	38.544.143.066	40.420.081.784	15 năm	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Vĩnh Long
Các tài sản cố định hữu hình khác	49.756.206.675	52.069.120.814	10 năm	Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Phải thu khách hàng tiền nước và xây lắp	114.660.537	115.088.937	Không có khả năng thu hồi
Cộng	114.660.537	115.088.937	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sạch	115.610.307.884	89.562.171.018
Doanh thu nước đóng chai	3.614.396.503	3.035.922.598

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp		2.256.834.536	3.815.384.674
Doanh thu khác		189.165.441	117.222.620
Cộng		121.670.704.364	96.530.700.910
1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan			
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
Khoản hàng bán bị trả lại.			
3. Giá vốn hàng bán			
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sạch		32.675.618.342	28.193.306.474
Giá vốn nước đóng chai		2.619.954.196	2.405.156.336
Giá vốn xây lắp		1.965.040.454	3.019.122.847
Giá vốn khác		166.345.083	104.428.761
Cộng		37.426.958.075	33.722.014.418
4. Doanh thu hoạt động tài chính			
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		10.561.483.401	7.405.580.315
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		18.130.156	18.521.628
Cổ tức được chia		2.774.000.000	1.521.000.000
Cộng		13.353.613.557	8.945.101.943
5. Chi phí tài chính			
Là chi phí đi vay - lãi vay.			
6. Chi phí bán hàng			
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên		1.789.155.046	1.373.113.440
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, công cụ		10.760.176.585	13.101.605.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định		7.162.932.766	7.093.260.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài		598.066.376	564.599.405
Các chi phí khác		307.373.089	194.871.889
Cộng		20.617.703.862	22.327.450.862



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.872.989.778	10.763.710.517
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.621.899	503.685.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	482.580.565	451.531.539
Thuế, phí và lệ phí	-	53.188.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.688.138	303.182.454
Các chi phí khác	2.643.639.854	3.281.049.490
Cộng	13.601.520.234	15.356.348.182

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	959.589.808	557.380.689
Các khoản thu nhập khác	32.728.477	48.860.940
Cộng	992.318.285	606.241.629

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	815.651.337	473.773.586
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	141.564.812
Các chi phí khác	-	6.564.810
Cộng	815.651.337	621.903.208

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.274.492.944	27.329.162.808
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(7.489.465.231)	(4.071.265.619)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	42.785.027.713	23.257.897.189
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.900.000	28.900.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.480	805

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 819 VND xuống còn 805 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.793.499.536	31.622.574.398
Chi phí nhân công	25.269.610.978	22.513.897.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.437.527.329	11.678.227.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.299.933.767	1.156.251.747
Chi phí khác	3.845.610.561	4.434.861.486
Cộng	71.646.182.171	71.405.813.462

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty có các khoản công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định	741.069.059	404.886.804
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định	5.310.610.363	4.899.591.122

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	512.140.000	318.365.000
Hoàn tạm ứng	173.000.000	90.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này			
Hội đồng quản trị	444.000.000	216.000.000	660.000.000
Ông Đặng Tấn Chiến - Chủ tịch	444.000.000	-	444.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Chiến - Thành viên	-	54.000.000	54.000.000
Bà Lê Thị Quyển - Thành viên	-	54.000.000	54.000.000
Ông Trần Tấn Đức - Thành viên	-	54.000.000	54.000.000
Ông Văn Kim Hùng Phong - Thành viên	-	54.000.000	54.000.000
Tổng Giám đốc và người quản lý khác	1.464.000.000	48.000.000	1.512.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Chiến - Tổng Giám đốc	396.000.000	-	396.000.000
Ông Nguyễn Quốc Đạt - Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	-	360.000.000
Ông Lương Minh Triết - Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	-	360.000.000
Ông Lê Văn Thắng - Kế toán trưởng, người phụ trách quản trị Công ty	348.000.000	48.000.000	396.000.000
Ban Kiểm soát	372.000.000	64.800.000	436.800.000
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh - Trưởng Ban	372.000.000	-	372.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên	-	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Hữu Bình - Thành viên	-	32.400.000	32.400.000
Cộng	2.280.000.000	328.800.000	2.608.800.000
Kỳ trước			
Hội đồng quản trị	475.200.000	174.240.000	649.440.000
Ông Đặng Tấn Chiến - Chủ tịch	475.200.000	-	475.200.000
Ông Huỳnh Ngọc Chiến - Thành viên	-	31.680.000	31.680.000
Bà Lê Thị Quyển - Thành viên	-	47.520.000	47.520.000
Ông Trần Tấn Đức - Thành viên	-	47.520.000	47.520.000
Ông Văn Kim Hùng Phong - Thành viên	-	47.520.000	47.520.000
Tổng Giám đốc và người quản lý khác	1.433.976.923	47.520.000	1.481.496.923
Ông Huỳnh Ngọc Chiến - Tổng Giám đốc	285.576.923	-	285.576.923
Ông Nguyễn Quốc Đạt - Phó Tổng Giám đốc	382.800.000	-	382.800.000
Ông Lương Minh Triết - Phó Tổng Giám đốc	382.800.000	-	382.800.000
Ông Lê Văn Thắng - Kế toán trưởng, người phụ trách quản trị Công ty	382.800.000	47.520.000	430.320.000
Ban Kiểm soát	396.000.000	79.200.000	475.200.000
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh - Trưởng Ban	396.000.000	-	396.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên	-	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Hữu Bình - Thành viên	-	39.600.000	39.600.000
Cộng	2.305.176.923	300.960.000	2.606.136.923



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ
Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương	Cổ đông nắm giữ 33,65% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân		
Nhận cổ tức	2.000.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long		
Mua nước sạch	4.496.953.500	4.070.660.100
Nhận cổ tức	720.000.000	720.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại các thuyết minh số VI.1 và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 12.759.372.415 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 2.250.665.872 VND.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho không thấp hơn giá gốc, do đó không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc đánh giá này sẽ tiếp tục được rà soát tại các kỳ lập Báo cáo tài chính tiếp theo.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ mỗi 6 tháng.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng đối phó với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu


Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng


Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Đặng Tân Chiến
Người đại diện theo pháp luật



Số: 91.../CNVL

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC giữa niên độ đã kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

- BCTC giữa niên độ đã kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Đặng Tấn Chiến